

HỆ THỐNG THANG LƯƠNG, BẢNG LƯƠNG, PHỤ CẤP LƯƠNG NĂM 2020

TẠI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI-HẢI PHÒNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chức danh, chuyên môn	Bậc, hệ số lương							Đơn vị tính: 1.000 đồng
I Bảng lương nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ									
A3	Kinh tế viên, kỹ sư	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5			
	Hệ số	1,50	1,64	1,78	1,96	2,16			
	Mức lương mới	6.630,0	7.248,8	7.867,6	8.663,2	9.547,2			
A2	Cán sự, kỹ thuật viên	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	
	Hệ số	1,26	1,35	1,46	1,58	1,71	1,84	1,99	
	Mức lương mới	5.569,2	5.967,0	6.453,2	6.983,6	7.558,2	8.132,8	8.795,8	
A1	Bảng lương nhân viên thừa hành phục vụ								
	Nhân viên văn thư, thừa hành	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6		
	Hệ số	1,12	1,19	1,26	1,34	1,42	1,51		
	Mức lương mới	4.950,4	5.259,8	5.569,2	5.922,8	6.276,4	6.674,2		
	Nhân viên phục vụ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4		Bậc 6		
	Hệ số	1,00	1,06	1,12	1,19	1,26	1,34		
	Mức lương mới	4.420,0	4.685,2	4.950,4	5.259,8	5.569,2	5.922,8		

II Bảng lương công nhân lái xe B12-4 bậc					
1	Lái xe con	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4
	Hệ số	1,33	1,45	1,58	1,74
	Mức lương mới	5.878,6	6.409,0	6.983,6	7.690,8



2	Lái xe dưới 7,5 tấn (xe tải, xe cầu)	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4
	Hệ số	1,39	1,49	1,61	1,75
	Mức lương mới	6.143,8	6.585,8	7.116,2	7.735,0

III Thang lương lao động trực tiếp

N1	CN cơ điện, vận hành máy bơm điện	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6
	Hệ số	1,14	1,23	1,34	1,46	1,59	1,73
	Mức lương mới	5.038,8	5.436,6	5.922,8	6.453,2	7.027,8	7.646,6
N2	CN VH máy xây dựng	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6
	Hệ số	1,20	1,29	1,39	1,50	1,62	1,75
	Mức lương mới	5.304,0	5.701,8	6.143,8	6.630,0	7.160,4	7.735,0
N3	CN Thủy nông	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6
	Hệ số	1,20	1,30	1,40	1,51	1,63	1,74
	Mức lương mới	5.304,0	5.746,0	6.188,0	6.674,2	7.204,6	7.691

PHỤ CẤP LƯƠNG

I. MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU

Mức lương tối thiểu doanh nghiệp áp dụng: 4.420.000 đồng

II. CÁC LOẠI PHỤ CẤP

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	PHỤ CẤP LƯƠNG	PHỤ CẤP MỚI		MỨC PHỤ CẤP
		Tỷ lệ	Mức tiền	
1	Phụ cấp chức vụ			
-	Trưởng phòng, Giám đốc XN	0,2	884	1
-	Phó phòng, P.Giám đốc XN, Trám Trưở	0,15	663	2
-	Trám Phó trạm TN	0,1	442	3
2	Phụ cấp trách nhiệm			
-	Đội trưởng, Thủ quỹ	0,07	309	1
-	Đội phó, Tổ trưởng, Lái xe	0,05	221	2
3	Hỗ trợ xăng xe			
-	Mức 1		450	
-	Mức 2		350	
-	Mức 3		250	
-	Mức 4		150	

Hải Phòng, ngày 15 tháng 7 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Thị Thùy Hương



BẢNG HỆ SỐ, MỨC LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Mức lương cơ sở từ tháng 7/2019 đến hết năm 2020 : 1.490.000 đồng/tháng
 Các mức lương sau đây làm căn cứ tham gia BHXH theo phụ lục I, Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ

STT	Chức danh	Từ Tháng 7/2019 đến hết năm 2020 (Mức lương cơ sở 1.490.000 đồng)	
		Bậc 1	Bậc 2
	Chủ tịch Công ty		
1	Hệ số lương	6,31	6,64
	Mức lương (đồng)	9.401.900	9.893.600
	Tổng Giám đốc		
2	Hệ số lương	5,98	6,31
	Mức lương (đồng)	8.910.200	9.401.900
	Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên		
3	Hệ số lương	5,32	5,65
	Mức lương (đồng)	7.926.800	8.418.500
	Kế toán trưởng		
4	Hệ số lương	4,99	5,32
	Mức lương (đồng)	7.435.100	7.926.800

Ngày 15 tháng 7 năm 2020
 Người lập biểu


 Phạm Thị Thùy Hương

I. MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU

Mức lương tối thiểu doanh nghiệp áp dụng: 4.420.000 đồng

II. CÁC LOẠI PHỤ CẤP

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	PHỤ CẤP LƯƠNG	PHỤ CẤP MỚI		MỨC PHỤ CẤP
		Tỷ lệ	Mức tiền	
1	Phụ cấp chức vụ			
-	Trưởng phòng, Giám đốc XN	0,2	884	1
-	Phó phòng, P. Giám đốc XN, Trạm Trưở	0,15	663	2
-	Trạm Phó trạm TN	0,1	442	3
2	Phụ cấp trách nhiệm			
-	Đội trưởng, Thủ quỹ	0,07	309	1
-	Đội phó, Tổ trưởng, Lái xe	0,05	221	2
3	Hỗ trợ xăng xe			
-	Mức 1		450	
-	Mức 2		350	
-	Mức 3		250	
-	Mức 4		150	

Hải Phòng, ngày 15 tháng 7 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Thị Thùy Hương

